

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ NHẬT HÀN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ NHẬT HÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT HAN INTERNATIONAL TRADING MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108478056

3. Ngày thành lập: 18/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 320 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
2.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
3.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
4.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
5.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
6.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
7.	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản	6820
8.	Xây dựng nhà ở	4101

9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
11.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
16.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
17.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè	4632
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây điều	0123
22.	Trồng cây hồ tiêu	0124
23.	Trồng cây cao su	0125
24.	Trồng cây cà phê	0126
25.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
26.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

27.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
28.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
31.	Trồng cây chè	0127
32.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Phá dỡ	4311
35.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
36.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
37.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
46.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Sản xuất chè	1076
50.	Sản xuất cà phê	1077
51.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
57.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
58.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
59.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
60.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
61.	Bán buôn đồ uống	4633
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
63.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng)	2432
64.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
65.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
66.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
70.	Đúc sắt, thép	2431

6. Vốn điều lệ: 31.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CHU KÍNH THIÊN	Thôn Tảo Phú, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	589.000	5.890.000.000	19,000	135877423	
			Tổng số	589.000	5.890.000.000	19,000		
2	CHU VĂN BÌNH	Thôn Tảo Phú, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.581.000	15.810.000.000	51,000	026075002070	
			Tổng số	1.581.000	15.810.000.000	51,000		
3	NGUYỄN THỊ TÂN	Thôn Tảo Phú, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	930.000	9.300.000.000	30,000	135621495	
			Tổng số	930.000	9.300.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU VĂN BÌNH Giới tính: Nam
 Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị
 Sinh ngày: 20/10/1975 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy chứng thực cá nhân: 026075002070
 Ngày cấp: 20/06/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tảo Phú, Xã Tam Hồng, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
 Chỗ ở hiện tại: Số 59 Đường Đa Lộc, Khu Công nghiệp Thăng Long, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội